

Bản án số: 336/2026/DS-ST
Ngày: 03-9-2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng đặt cọc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Lợi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Quốc Thắng;

2. Ông Trương Hoàng Sơn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Tây Hạ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 564/2026/DS-ST, ngày 20 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 447/2026/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*” giữa:

- Nguyên đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm 1993, số căn cước công dân: 072093003ABC; cư trú tại: Tổ A, ấp H, xã T, tỉnh Tây Ninh, có mặt;

- Bị đơn:

1.1 Ông Nguyễn Hồng L, sinh năm 1989, số căn cước công dân 072089006ABC; cư trú tại: Ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh vắng mặt;

1.2 Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1995, số căn cước công dân: 072195003ABC; cư trú tại: Ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Văn M, sinh năm 1968; số căn cước công dân: 072068004ABC; cư trú tại: Tổ A, ấp H, xã T, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/4/2026, đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/6/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên

đơn ông **Võ Văn T** trình bày:

Do quen biết ngoài xã hội với ông **Nguyễn Hồng L**, bà **Nguyễn Thị Ngọc H**, nên ông và ông **L** có thỏa thuận nhận gia công làm hạt điều do ông **L** làm chủ. Sau khi thỏa thuận vào ngày 10/5/2025 ông và ông **L** có làm giấy đặt cọc số tiền 50.000.000 đồng nhận làm gia công làm hạt điều do bà **H** viết rồi ông **L** cùng ông ký tên vào. Khi làm giấy đặt cọc hai bên thỏa thuận mỗi tuần ông **L** giao cho ông 500kg hạt điều thô cho đến 1.000kg tùy theo suất làm của ông, trong thời gian nhận hàng thì ông có trách nhiệm bảo quản số hàng mà ông đã nhận. Nếu ông không làm gia công hạt điều cho ông **L** thì phải báo trước cho ông **L** trên 06 tháng để ông **L** sẽ trả lại tiền cho ông. Khi làm giấy cọc trong thời gian chờ nhận hạt điều làm gia công, thì ông xin nghỉ làm công nhân tại xí nghiệp về phụ giúp ông **L**, bà **H** việc nhà, chăm sóc cây cảnh, phụ bán quán ăn sáng... từ tháng 6 đến tháng 10 năm 2025. Trong thời gian phụ việc hàng tháng ông **L**, bà **H** trả lương cho ông mỗi tháng 7.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản từ số tài khoản ông **L** **Ngân hàng S** số 0377463353 "**Nguyễn Hồng L**" vào tài khoản ông **Ngân hàng M1** "**Võ Văn T**". Sau khi ông **L** không có hạt điều giao cho ông để làm gia công, ông và cha ông là ông **Võ Văn M** có đòi tiền ông **L** nhiều lần nhưng ông **L** hên trả tiền nhưng vẫn không trả cho ông. Ông xác định kể từ ngày nhận cọc 10/5/2025 ông **L** có tự nguyện chuyển phụ trả tiền lãi cho ông và cha ông là ông **Võ Văn M** số tiền 18.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản và nhận tiền mặt, ngoài ra ông không nhận thêm số tiền nào khác. Khi đặt cọc số tiền 50.000.000 đồng hai bên không cầm cố hay thế chấp tài sản gì cho nhau. Nay ông khởi kiện yêu cầu ông **L**, bà **H** có trách nhiệm hoàn trả cho ông số tiền cọc 50.000.000 đồng, ông không yêu cầu tình tiền lãi.

*Tại bản tự khai ngày 22/5/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông **Nguyễn Hồng L**, bà **Nguyễn Thị Ngọc H** thống nhất trình bày:*

Ông, bà có quen biết ngoài xã hội với ông **T** từ trước nên vào ngày 10/5/2025, vợ chồng ông, bà có vay của ông **T** số tiền 50.000.000 đồng khi vay có làm giấy nợ do bà **H** viết rồi ông **L** ký tên vào, mục đích vay tiền để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, nhưng hai bên hợp thức hóa ghi nội dung giấy đặt cọc nhận làm gia công hạt điều. Khi vay tiền hai bên thỏa thuận tiền lãi bằng lời nói mỗi tháng trả lãi 6.000.000 đồng/tháng, thời hạn trả nợ phải báo trước 06 tháng. Sau khi vay tiền ông, bà đã đóng lãi 11 tháng từ ngày vay đến tháng 4 năm 2026 thì ngưng với số tiền lãi 66.000.000 đồng. Việc trả lãi này bằng hình thức chuyển khoản và trả tiền mặt cho ông **T**, khi trả lãi thì có trả tiền lãi số tiền vay 30.000.000 đồng của ông **M**. Tuy nhiên hiện nay do gia đình ông, bà đang gặp khó khăn này đồng ý trả từng lần cho ông **T** đối với số tiền vay 50.000.000 đồng tiền gốc và không yêu cầu tính lại lãi suất đối với số tiền đã chuyển và trả tiền mặt cho ông **T**.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Võ Văn M** trình bày:*

Ngày 10/5/2025 ông có cho ông **L**, bà **H** vay số tiền 30.000.000 đồng, khi vay có làm giấy nợ do bà **H** viết, ông **L** ký tên vào giấy nợ. Kể từ ngày vay tiền vợ chồng ông **L** chưa trả tiền gốc cho ông mặc dù ông đòi nợ nhiều lần, còn tiền lãi

ông **L** có trả cho con trai ông là **Võ Văn T** được ba tháng tiền lãi số tiền 18.000.000 đồng trong tổng số tiền nợ 80.000.000 đồng trong đó nợ ông 30.000.000 đồng, nợ ông **T** 50.000.000 đồng. Khi ông **L**, bà **H** không trả tiền cho ông và ông **T** thì ông có điện thoại đòi tiền nhiều lần nhưng ông **L** hứa sắp xếp trả tiền, việc ông **L** hứa trả tiền có gửi tin nhắn thoại cho ông nên ông đã dịch file ghi âm giao nộp cho Tòa án.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn ông **T** tự nguyện khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng vào tiền gốc 50.000.000 đồng trong tổng số tiền lãi 18.000.000 đồng ông đã nhận từ ông **L**, bà **H**. Do đó nay ông yêu cầu ông **L**, bà **H** có trách nhiệm hoàn trả số tiền 40.000.000 đồng, ông không yêu cầu tính tiền lãi.

- Bị đơn ông **Nguyễn Hồng L** và bà **Nguyễn Thị Ngọc H** vắng mặt đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Võ Văn M** thừa nhận có nhận của vợ chồng ông **L**, bà **H** số tiền 18.000.000 đồng tiền lãi do ông **L** tự nguyện trả cho cha con ông, nay ông tự nguyện khấu trừ 8.000.000 đồng vào tiền gốc 30.000.000 đồng trong tổng số tiền lãi 18.000.000 đồng mà ông nhận từ ông **L**, bà **H**.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh:*

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa;

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 328 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Võ Văn T** về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc” đối với bị đơn ông **Nguyễn Hồng L**, bà **Nguyễn Thị Ngọc H**. Buộc ông **Nguyễn Hồng L**, bà **Nguyễn Thị Ngọc H** có nghĩa vụ hoàn trả cho ông **Võ Văn T** số tiền 40.000.000 đồng. Ghi nhận ông **Võ Văn T** không yêu cầu tính tiền lãi.

- Về án phí: Ông **Nguyễn Hồng L**, bà **Nguyễn Thị Ngọc H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về kiến nghị khắc phục vi phạm: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận

thấy:

[1] Về tố tụng:

- Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Hồng L, bà Nguyễn Thị Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hồng L, bà Nguyễn Thị Ngọc H.

- Về quan hệ tranh chấp: Quá trình giải quyết vụ án ông L, bà H cho rằng ngày 10/5/2025 vay ông T số tiền 50.000.000 đồng không phải số tiền đặt cọc nhận làm gia công hạt điều. Ông T thừa nhận số tiền 50.000.000 đồng ông L, bà H nhận ngày 10/5/2025 là tiền đặt cọc nhận làm gia công hạt điều. Tuy nhiên qua xem xét nội dung giấy ngày 10/5/2025 thể hiện “Giấy đặt cọc” ông T đặt cọc số tiền 50.000.000 đồng với mục đích nhận làm gia công hạt điều thành phẩm cho ông L. Do đó căn cứ vào Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 328 Bộ luật Dân sự Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T yêu cầu ông Nguyễn Hồng L, bà Nguyễn Thị Ngọc H hoàn trả số tiền 50.000.000 đồng:

Ông T và ông L, bà H đều thừa nhận ông L, bà H có nợ ông T số tiền 50.000.000 đồng, khi nhận tiền có làm giấy do bà H viết ông T và ông L cùng ký tên vào, thời hạn trả báo trước cho ông L, bà H 06 tháng (bút lục số 64), nay ông L, bà H đồng ý hoàn trả cho ông T số tiền 50.000.000 đồng. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, sự thừa nhận của đương sự phù hợp với giấy nợ nguyên đơn giao nộp cho Tòa án điều này thể hiện bà H, ông L còn nợ ông T số tiền 50.000.000 đồng, nay ông L, bà H đồng ý hoàn trả cho ông T số tiền 50.000.000 đồng là tình tiết không phải chứng minh.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án ông L cho rằng khi vay số tiền 50.000.000 đồng có thỏa thuận bằng lời nói trả lãi mỗi tháng 6.000.000 đồng/tháng, đã trả lãi 11 tháng từ ngày vay đến tháng 4 năm 2026 thì ngưng với số tiền 66.000.000 đồng, bằng hình thức chuyển khoản và trả tiền mặt cho ông Võ Văn T. Tuy nhiên ông L, bà H không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, ông T cung cấp sao kê (bút lục 95 đến 99) thể hiện có việc chuyển tiền qua lại giữa ông L, ông T khi chuyển khoản không ghi nội dung chuyển khoản. Hơn nữa ông L, bà H đều thừa nhận có trả tiền lương cho ông T trong quá trình ông T làm việc cho ông L, bà H vào năm 2025 và ông T thừa nhận có nhận số tiền lãi 18.000.000 đồng vừa chuyển khoản, vừa nhận tiền mặt của ông L trong tổng số tiền ông L đã nhận 80.000.000 đồng ngày 10/5/2025 của ông T, ông M. Mặt khác ông L, bà H không yêu cầu tính lại lãi suất đối với số tiền đã chuyển khoản, giao tiền mặt cho ông T và tại phiên tòa ông T tự nguyện khấu trừ 10.000.000 đồng vào số tiền gốc 50.000.000 đồng ông T khởi kiện ông L, bà H, do đó nay ông T yêu cầu bà H, ông L hoàn trả số tiền 40.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những phân tích nhận định nêu trên xét yêu cầu khởi kiện của ông **Võ Văn T** là có căn cứ chấp nhận buộc bà **Nguyễn Thị Ngọc H**, ông **Nguyễn Hồng L** có trách nhiệm hoàn trả số tiền 40.000.000 đồng, ghi nhận ông **T** không yêu cầu tính tiền lãi.

[4] Về án phí: Bà **Nguyễn Thị Ngọc H**, ông **Nguyễn Hồng L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.000.000 đồng do yêu cầu khởi kiện của ông **Võ Văn T** được chấp nhận.

Ông **Võ Văn T** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với những nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 282, Điều 328 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Võ Văn T** về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc” đối với bị đơn bà **Nguyễn Thị Ngọc H**, ông **Nguyễn Hồng L**.

Buộc bà **Nguyễn Thị Ngọc H**, ông **Nguyễn Hồng L** có trách nhiệm hoàn trả cho ông **Võ Văn T** số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng. Ghi nhận ông **Võ Văn T** không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông **Võ Văn T** cho đến khi thi hành án xong, bà **Nguyễn Thị Ngọc H**, ông **Nguyễn Hồng L** còn phải trả cho ông **Võ Văn T** số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Bà **Nguyễn Thị Ngọc H**, ông **Nguyễn Hồng L** phải chịu 2.000.000 (hai triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm;

- Ông **Võ Văn T** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông **Võ Văn T** 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008298, ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0014146, ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Ông **Võ Văn T**, ông **Võ Văn M** có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà **Nguyễn Thị Ngọc H**, ông **Nguyễn Hồng L** vắng mặt tại phiên tòa được quyền

kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 8 và Điều 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- PKTNV TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11 - Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 11 - Tây Ninh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (L).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Lợi